TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/DS-PT
Ngày: 02-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Tấn Quốc

2. Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim S, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Khu phố 1, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1958; Cư trú tại: Ấp N, xã H, huyện T1, tỉnh Long An (là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2021).

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1968.

2.2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Ấp BL, xã TL, huyện T1, tỉnh Long An.

Tạm trú tại: Ấp TL1, xã NN, huyện T1, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn C1, sinh năm 1967; Cư trú tại: Số 84, đường Lê Hữu N, Phường 4, thành phố A, tỉnh Long An (là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021).

3. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Thị Kim S và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Văn C trình bày:*

Ngày 11/3/2019, vợ chồng ông T và bà H có vay bà S số tiền 200.000.000 đồng hẹn đến ngày 21/9/2019 trả đến nay không trả. Nay bà S yêu cầu ông T, bà H có nghĩa vụ trả 200.000.000 đồng và trả lãi suất từ ngày 11/3/2019 đến ngày xét xử theo lãi suất Nhà nước quy định. Còn yêu cầu phản tố của ông Thanh và bà H thì bà S không đồng ý, vì biên nhận nợ ngày 02/01/2018 bà H đã kiện ra Tòa án nhân dân huyện T1 và được giải quyết ngày 14/3/2019, bà đã trả cho bà H số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi 35.333.000 đồng.

** Bị đơn là ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H trình bày:*

Vợ chồng ông, bà thừa nhận ngày 11/3/2019 có mượn của bà S số tiền 200.000.000 đồng hẹn đến ngày 21/9/2019 trả. Nhưng trước đó ngày 03/11/2018 bà S có mượn của vợ ông là bà Phạm Thị H số tiền 150.000.000 đồng hẹn 10 ngày trả, mà đến nay chưa trả. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu bà S trả 150.000.000 đồng để khấu trừ số tiền nợ 200.000.000đồng, còn lại 50.000.000 thì ông bà đồng đồng ý trả cho bà S mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về lãi suất yêu cầu bà S trả lãi 1%/ tháng của số tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 03/11/2018 đến ngày xét xử.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 227, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 LHN&GĐ năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T, bà Phạm Thị H yêu cầu bà Hồ Thị Kim S trả 150.000.000 đồng tiền nợ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim S.

1. Buộc ông Trần Văn T, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả bà Hồ Thị Kim S tổng số tiền 236.666.520 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015.

Ông Trần Văn T, bà Phạm Thị H hoàn trả lại bà Hồ Thị Kim S 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định.

2. Về án phí: ông T, bà H phải chịu 11.833.326 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 7.500.000 đồng tiền án phí yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001117 ngày 04/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện tân Thạnh; nên ông T, bà H còn phải nộp tiếp 15.583.326 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị Kim S không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000781 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 36/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/02/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm trên với các lý do sau:

- Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/01/2021, phía bị đơn là ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt thì đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông T và bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà S 200.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay là có cơ sở. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi từ ngày 11/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/01/2021) là chưa đúng theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bởi lẽ, tại "Giấy biên nhận" xác lập giữa bà S và ông T ngày 11/3/2019, các đương sự không có thỏa thuận về nghĩa vụ trả tiền lãi trong thời hạn từ ngày 11/3/2019 đến ngày 21/9/2019 cũng như mức lãi suất. Do trong thời hạn ngày 11/3/2019 đến ngày 21/9/2019, ông T và bà H không trả số tiền nợ gốc đã vay cho bà S như đã thỏa thuận nên ông T và bà H có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà S tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm mới đúng quy định của pháp luật.

- Về việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của phía bị đơn ông T và bà H với lý do sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng lại buộc phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng nghị không rút kháng nghị, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng nghị phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý chỉ yêu cầu ông T và bà H trả số tiền lãi là 10.000.000 đồng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý. Về việc Tòa sơ thẩm mở phiên tòa xét xử ngày 05/01/2021 xét xử vắng mặt bị đơn trong khi chỉ mới triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ nhất là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý với bản án sơ thẩm và không khiếu nại về vi phạm này. Xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nhưng do các đương sự thỏa thuận và thống nhất những nội dung trên nên không cần thiết hủy án sơ thẩm. Do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thay đổi một phần kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, cụ thể: ông Thanh bà H không phải chịu 7.500.000 đồng án phí đối với yêu cầu phản tố bị Tòa sơ thẩm đình chỉ.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa bản án dân sự sơ thẩm về án phí và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng về hình thức, nội dung và

thời hạn theo quy định tại các Điều 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn C1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/01/2021, phía bị đơn là ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại mở phiên tòa xét xử vắng mặt phía bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có tống đạt bản án dân sự sơ thẩm cho phía bị đơn và phía bị đơn không có kháng cáo bản án này. Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo hướng có lợi cho phía bị đơn nên người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận. Phía bị đơn đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt và không có kháng cáo hay không khiếu nại vấn đề này.

Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt phía bị đơn trong trường hợp này là có vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt và không có kháng cáo hay khiếu nại vấn đề này. Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy bản án dân sự sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.2] Về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án:

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Văn C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ông Trần Văn C1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Hồ Thị Kim S 200.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và 10.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 210.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 11/3/2019.

Xét thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.3] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của phía bị đơn nhưng lại buộc phía bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố:

Xét Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của phía bị đơn - ông T và bà H với lý do sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g

khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng lại buộc phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ nhận định ở đoạn [2], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hồ Thị Kim S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim S được Tòa án chấp nhận là: 05% x 210.000.000 đồng = 10.500.000 đồng.

[5] Về chi phí giám định: Tổng cộng là 3.000.000 đồng và phía nguyên đơn là bà Hồ Thị Kim S đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí giám định. Các đương sự phải chịu chi phí giám định theo quy định tại các Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định của phía nguyên đơn là có căn cứ nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Do đó, buộc ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H phải liên đới nộp 3.000.000 đồng để hoàn trả cho bà Hồ Thị Kim S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 161, 162, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim S về việc yêu cầu ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 11/3/2019.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Buộc ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Hồ Thị Kim S 200.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và 10.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kim S trả 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

3. Về chi phí giám định: Buộc ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H phải liên đới nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để hoàn trả cho bà Hồ Thị Kim S.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H phải liên đới nộp 10.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001117 ngày 04/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh nên ông T và bà H còn phải liên đới nộp tiếp 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Hồ Thị Kim S 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000781 ngày 31/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn